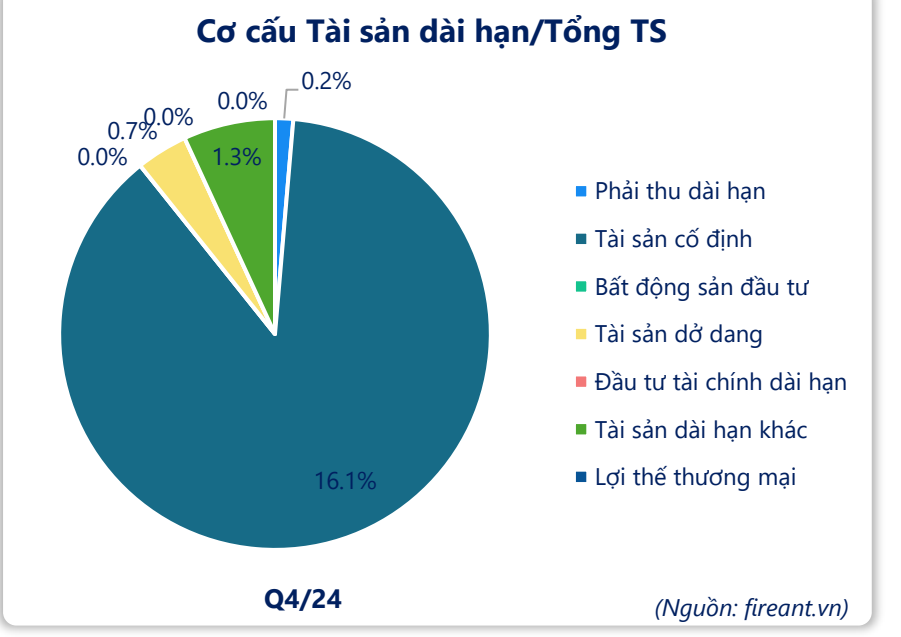
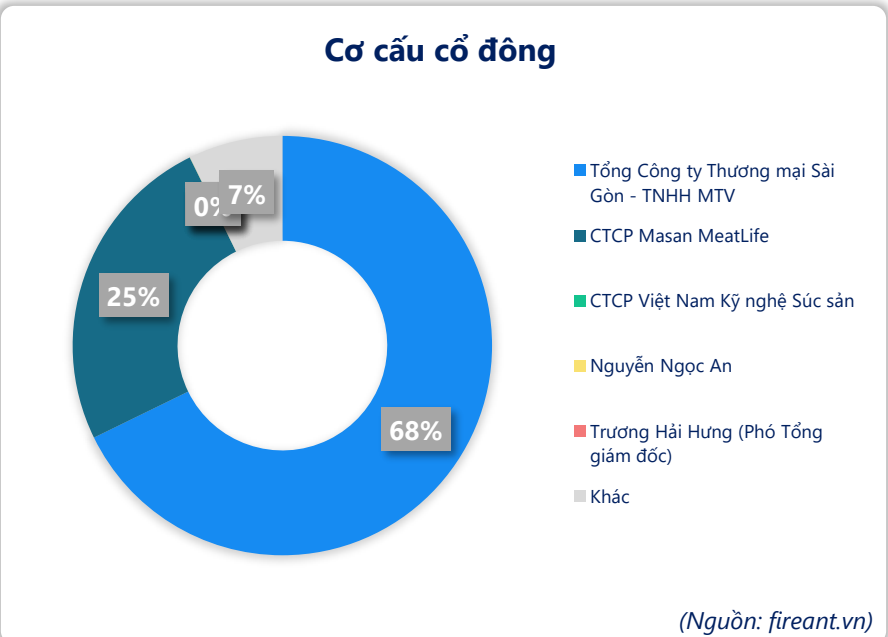
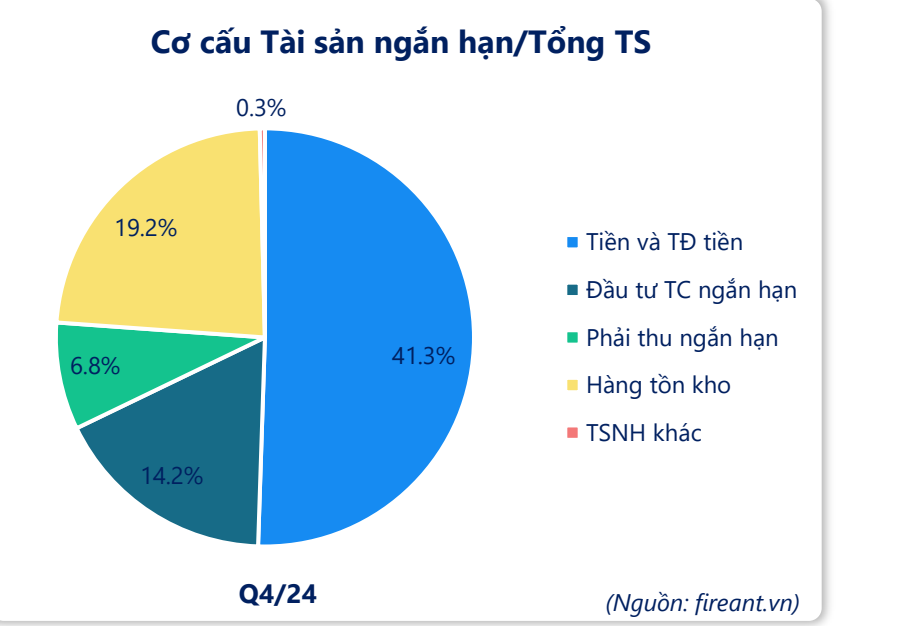
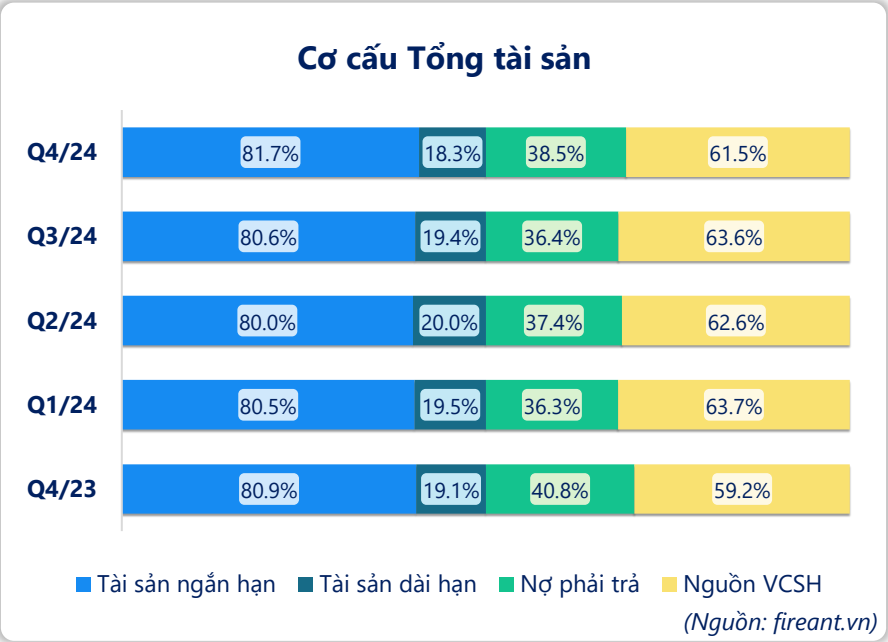
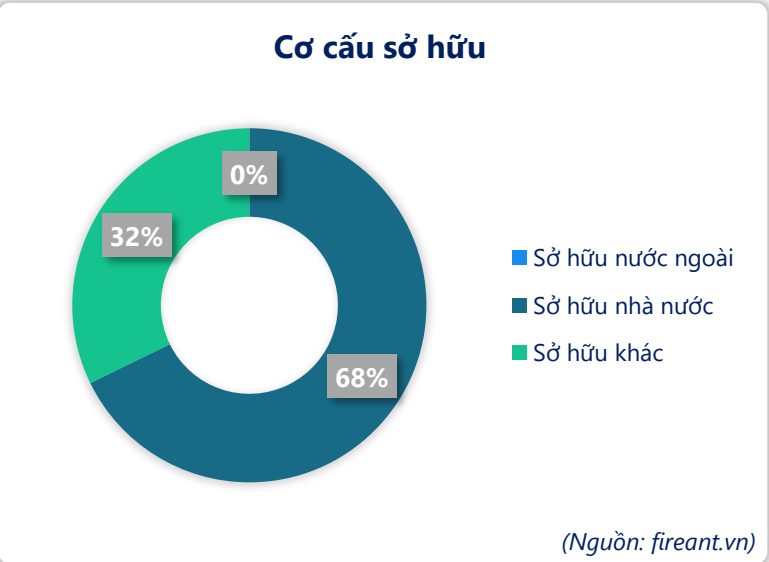
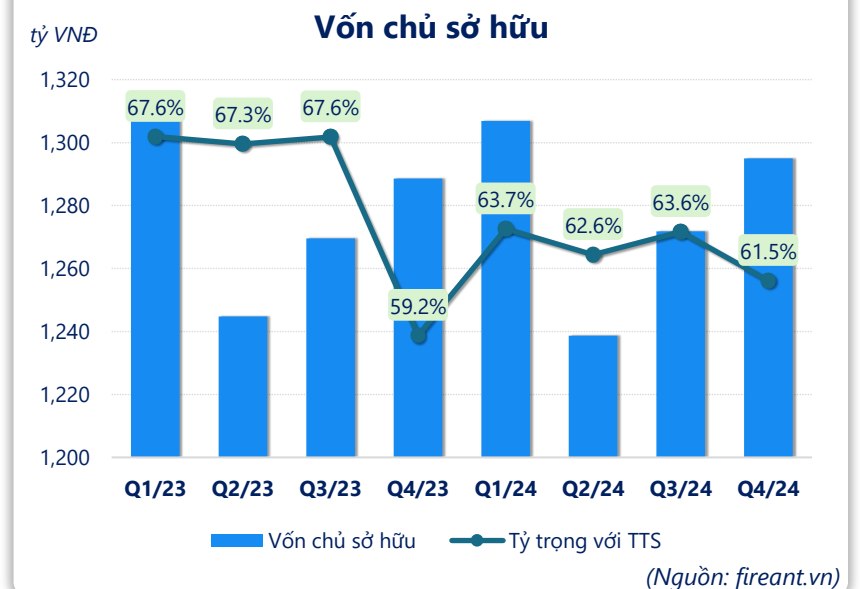
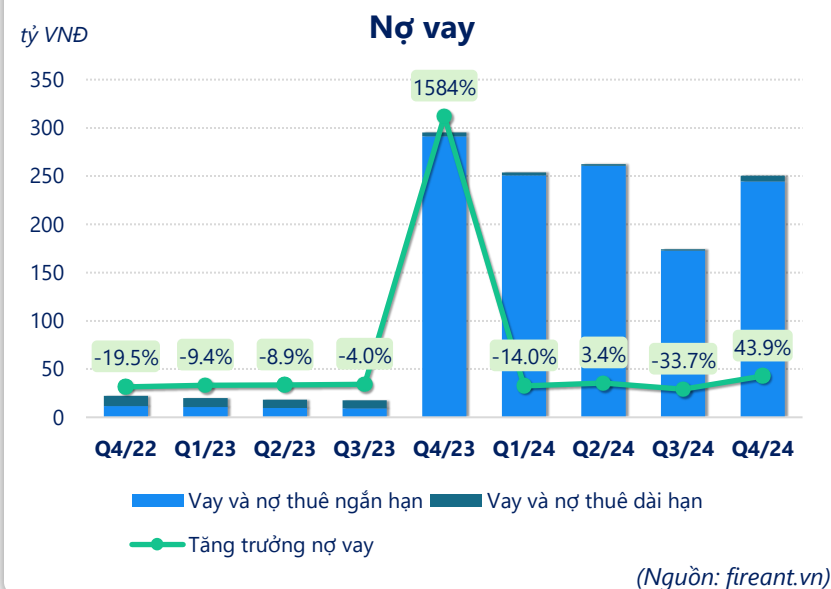
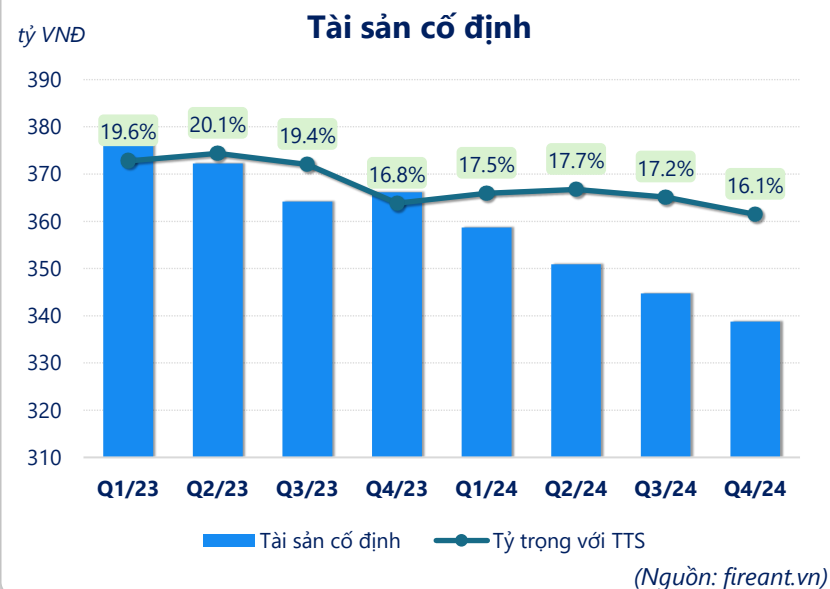
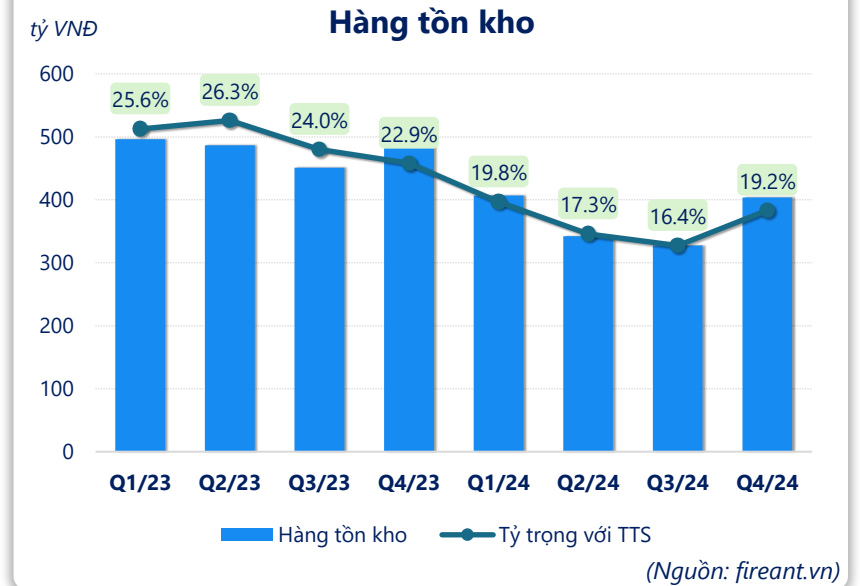
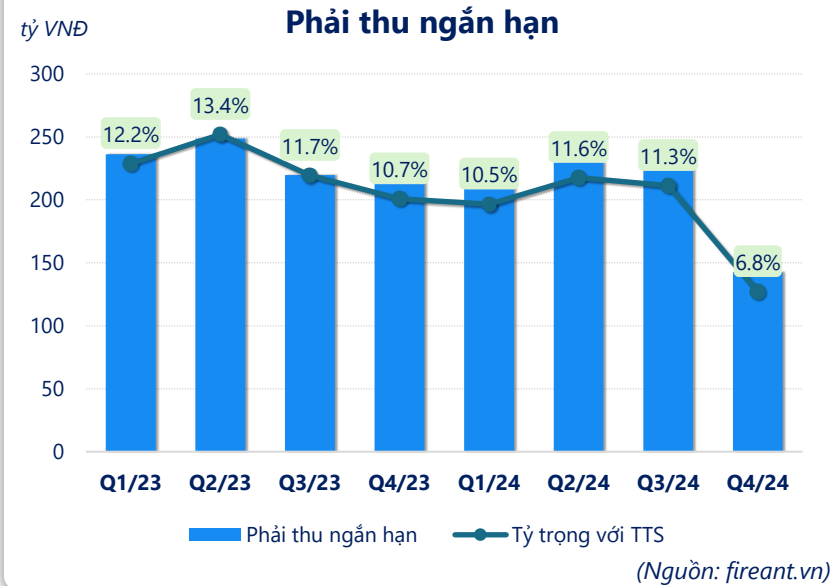
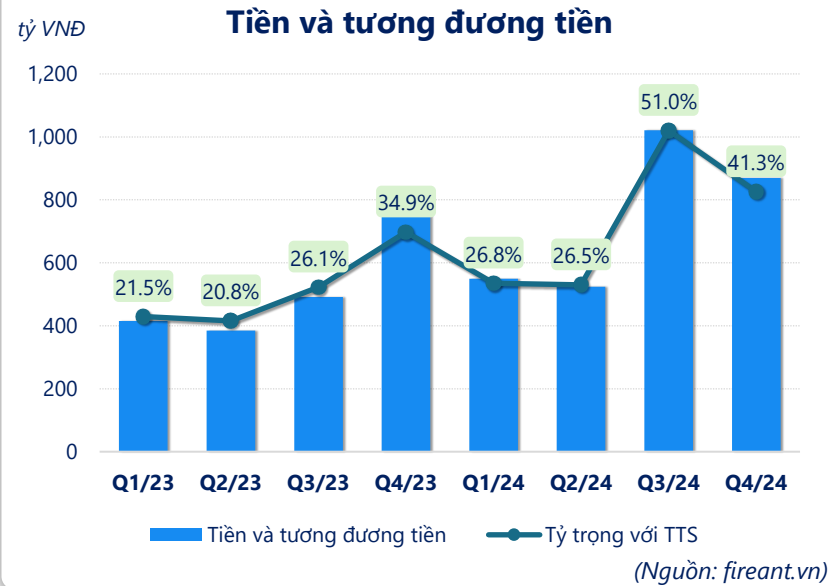
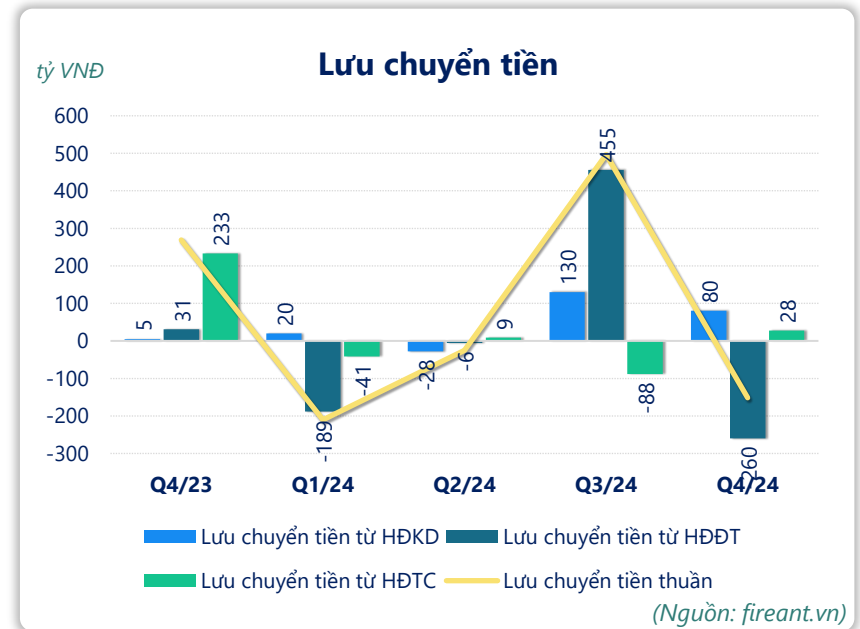
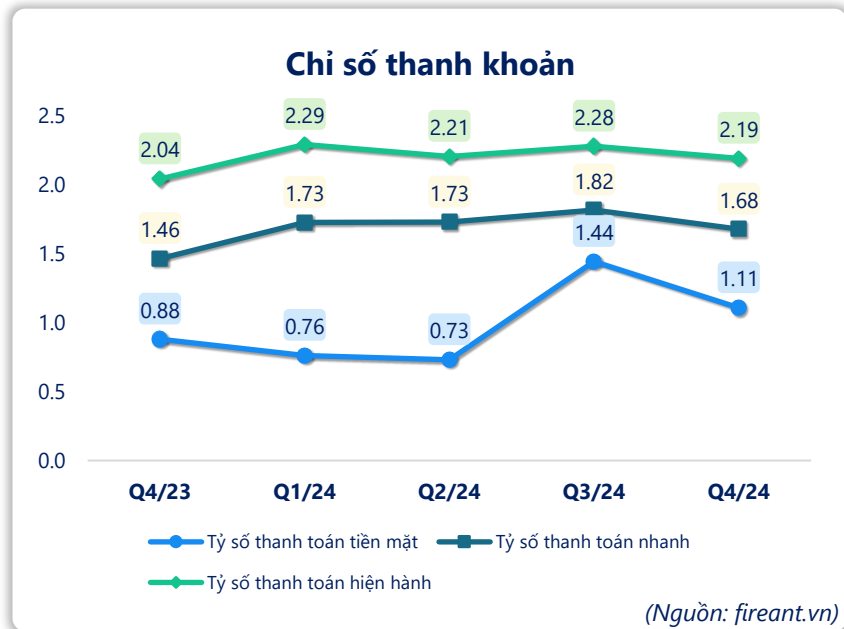
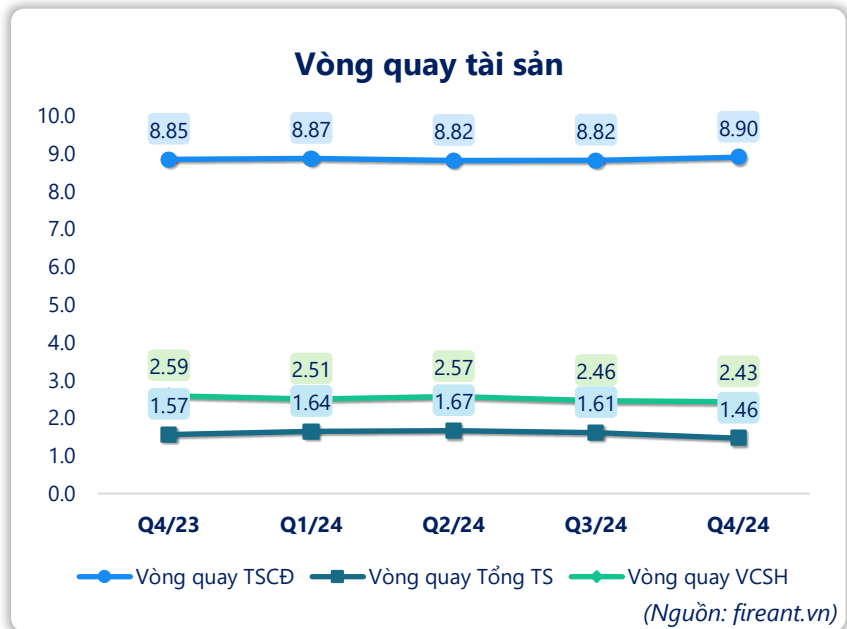
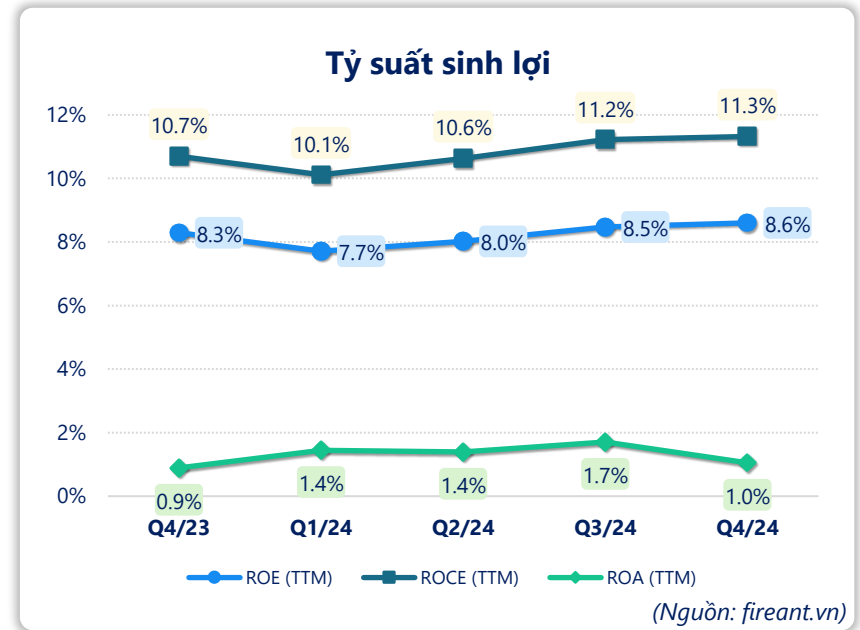
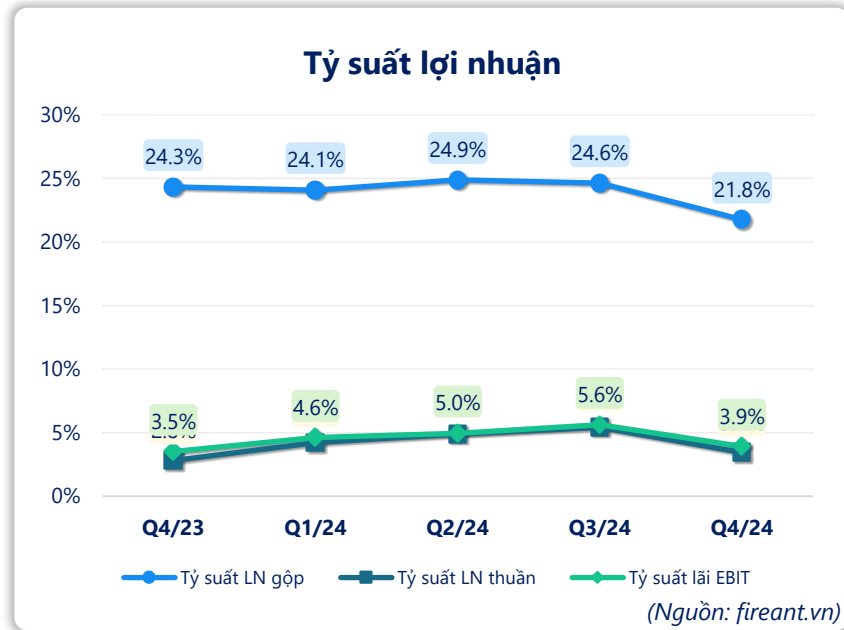
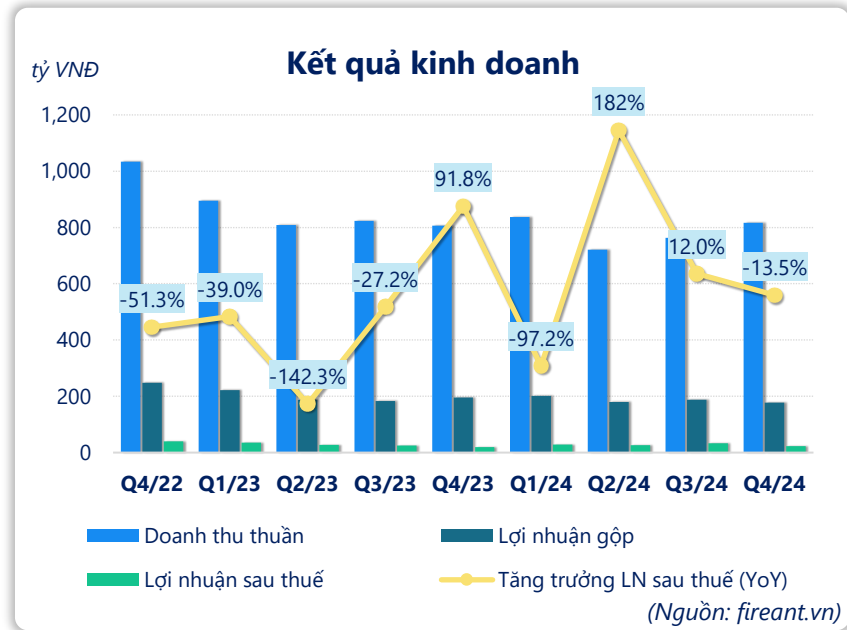


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		18,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,071
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
SL cổ phiếu LH		80,895,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,075
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,488
P/E		13.4
EPS		1,373

	YTD	1T	3T	6T
VSN		4.0%	-3.2%	-13.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,106	2,178	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	1,721	1,762	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	869	760	14.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	298	264	12.8%
Phải thu ngắn hạn	143	233	-38.8%
Hàng tồn kho	404	499	-19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	6.78	6.08	11.5%
Tài sản dài hạn	385	416	-7.3%
Phải thu dài hạn	5.23	0.87	500%
Tài sản cố định	339	366	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.9	15.5	-3.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	26.5	33.4	-20.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	811	889	-8.8%
Nợ ngắn hạn	785	863	-9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	245	291	-16.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	353	280	25.8%
Nợ dài hạn	25.9	26.3	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.83	3.92	48.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,295	1,289	0.5%
Vốn chủ sở hữu	1,295	1,289	0.5%
Vốn điều lệ	809	809	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	807	837	721	763	817
Giá vốn hàng bán	610	636	541	575	639
Lợi nhuận gộp	196	202	179	188	178
Doanh thu HĐTC	10.00	9.92	8.74	9.52	12.5
Chi phí TC	3.75	5.01	4.34	4.14	5.19
Chi phí lãi vay	1.22	1.93	1.92	1.39	2.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	124	132	115	117	124
Chi phí QLDN	56.2	39.1	33.2	34.5	32.6
LN thuần từ HĐKD	22.7	35.2	35.3	41.3	28.1
Lợi nhuận khác	4.49	1.48	-1.45	0.19	1.45
LN trước thuế	27.2	36.7	33.8	41.5	29.6
Lợi nhuận sau thuế	19.0	28.9	26.7	33.1	22.4
LNST của CĐ cty mẹ	19.0	28.9	26.7	33.1	22.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.85	19.7	-28.0	130	80.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.7	-189	-5.91	455	-260
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	233	-41.4	8.73	-88.4	27.9
Tiền đầu kỳ	491	760	549	524	1,021
Lưu chuyển tiền thuần	269	-210	-25.2	497	-152
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.04	0.02	-0.22	0.25
Tiền cuối kỳ	760	549	524	1,021	869

(Nguồn: fireant.vn)